

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/HS- ST
Ngày 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc S

Ông Trần Văn Th

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim O - Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2019/TLST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2019/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, năm 1992

Tên gọi khác: D (cún th); nơi ĐKKH và chỗ ở: Số nhà 10, hẻm 14, tổ dân phố Ph, phường D, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và bà: Giáp Thị Th; vợ: Hoàng Thị S; con: Nguyễn Bảo T, sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 28/3/2014 bị Công an phường Hoàng Văn Th xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20/10/2017, bị Công an huyện L, tỉnh B xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, nộp phạt ngày 27/10/2017. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1 trại giam T, huyện H, tỉnh Ph (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Đỗ Văn M, năm 1983

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH và chỗ ở: xóm G, xã T, thành phố B , tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Ch và bà: Nguyễn Thị M; vợ: Nguyễn Nhật A; con: Đỗ Nguyễn Nhật Á, sinh năm 2019; tiền sự: không; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 234/2013/HSST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt chính ngày 06/12/2015, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt ngày 25/3/2019; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 229/2006/HSST ngày 22/6/2006 Tòa án nhân dân Quận B, thành phố H xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/7/2008, chấp hành xong tiền án phí ngày 14/7/2010. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 18/12/2008 của Công an quận H, thành phố H xử phạt hành chính 150.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tại Quyết định số 322/QĐ-UBND Ngày 29/02/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 12 tháng. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 139/2019/HSST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:

- Anh Giáp Văn N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/01/2019 Nguyễn Văn T (tên thường gọi là Cún Th) sinh năm 1992 ở số nhà 10, Hẻm 14, tổ dân phố Ph, phường D, thành phố B đang ở nhà chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1975 ở thôn Ph, xã T, thành phố B thì có Đỗ Văn M, sinh năm 1983, ở thôn G, xã T, thành phố B đến nhà chị H chơi (T và

M có quen biết nhau từ trước). Do chị H không có nhà nên M rủ T đi chơi, T đồng ý. Sau đó, M điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, biển kiểm soát 98L5-3874 chở T đến quán game bắn cá ở ngã tư Đ, huyện V, tỉnh B chơi game bắn cá. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì T rủ M đi lên T chơi, M đồng ý. M điều khiển xe mô tô chở T đi từ Đ lên khu vực xã M, huyện V, khi đi đến gần cầu treo M, thuộc địa phận xã M, huyện V thì M nhìn thấy một chiếc kéo bằng kim loại rơi trên đường, M dừng xe lại nhặt chiếc kéo đứt vào trong cốp xe mô tô, trên đường đi M và T thay nhau điều khiển xe mô tô. Khi đến địa phận thôn M, xã Ng, huyện T, lúc này khoảng 15 giờ T điều khiển xe mô tô chở M đi qua cửa nhà anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975 ở thôn M, xã Ng, huyện T được khoảng 3-4 mét thì xe mô tô của T và M bị tuột xích nên T và M đỗ lại để sửa xe. T dắt xe mô tô lùi lại trước cửa nhà anh Kh, T bảo M vào nhà anh Kh hỏi mượn đồ để sửa xe, lúc này anh Kh và anh Giáp Văn N, sinh năm 1992 ở thôn B, xã Ng, huyện T đang ngồi trong nhà anh Kh nhìn thấy T và M có biểu hiện khả nghi nên anh N và anh Kh ở trong nhà anh Kh theo dõi, M đi vào cửa nhà anh Kh gọi cửa nhưng không thấy có ai trả lời, chỉ thấy trước cửa nhà anh Kh có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream Biển kiểm soát 99F8-0969 của anh Giáp Văn N dựng trước cửa nhà anh Kh. M quay ra bảo T “không có ai ở nhà”. Do gọi cửa nhà anh Kh không thấy ai trả lời, T bảo M xem trong cốp xe mô tô có đồ gì không, M mở cốp xe ra lấy chiếc kéo sắt mà M nhặt được ở trên đường đi đưa cho T, T dùng kéo sửa lắp hộp xích nhưng không lắp được. Lúc này T bảo với M “Nếu mở được chiếc xe kia thì đổi xe này, nếu không đổi được thì dắt bộ”, (ý T nói với M là trộm cắp chiếc xe mô tô của anh N ở trước cửa nhà anh Kh để làm phương tiện đi lại) M đồng ý. T đi vào cửa nhà anh Kh đến vị trí để chiếc xe mô tô, cầm kéo chọc vào ổ khóa xe mô tô vặn ổ khóa xe mô tô của anh N sang bên trái và bên phải, trong lúc đang vặn thì bị anh N và anh Kh từ trong nhà cầm gậy sắt chạy ra đuổi đánh. Anh Kh cầm gậy vụt trúng vào vùng tai phải T bị chảy máu, T và M bỏ chạy mỗi người một hướng, anh N đuổi theo M, còn anh Kh đuổi T. Đuổi theo M được một đoạn, anh N không đuổi nữa mà điện báo Công an xã Ng, huyện T, sau đó Công an xã Ng đến cùng với người dân đuổi bắt được M và yêu cầu M về trụ sở Công an xã Ng làm việc, đồng thời tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L5-3874 của M, sau đó Công an xã Ng,

huyện T bàn giao đối tượng M cùng chiếc xe mô tô cho Cơ quan điều tra Công an huyện T để đấu tranh làm rõ.

Còn Nguyễn Văn T bị anh Kh đuổi đánh, T tiếp tục chạy vào nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 ở thôn M, xã Ng, huyện T hô “cướp cướp” thấy anh H và một số người đang ngồi ở trong nhà, T ngồi lên chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius Biển kiểm soát 98B1- 306.46 ở sân nhà anh H và bảo “chú ơi chở cháu đi bắt cướp” do có nghi ngờ T là đối tượng trộm cắp nên anh H chạy ra vườn nhặt chiếc gậy gỗ, thấy anh H cầm gậy T sợ bị đánh nên tiếp tục bỏ chạy ra sau nhà anh H và chạy ra cánh đồng ngô. Lúc này Tình thấy chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 ở thôn N, xã Ng, huyện T điều khiển xe mô tô đi qua trên đường bê tông đường liên thôn M và thôn N, xã Ng, T đi từ bờ ruộng ngô đi lên đường đứng sát xe mô tô của chị L bảo với chị L “chị ơi cứu em, chị cho em đi nhờ không người ta đánh chết em”. Chị L dừng xe lại nhìn thấy T bị chảy nhiều máu ở cổ nên chị L sợ không cho đi nhờ. T tiếp tục xin chị L đi nhờ đến lần thứ ba thì nghe tiếng hô hoán của quần chúng nhân dân “bắt nó lại” chị L thấy thương và sợ T bị đánh nên đồng ý cho T đi nhờ nhưng chị L chưa kịp nói gì thì T sợ bị đánh đã gạt tay chị L ngồi lên phía trước chị L. Do chị L sợ máu trên người T chạm vào người chị L nên chị L ngồi lùi lại phía sau thì bị hẫng chân, đúng lúc đó T phóng xe đi thì chị L bị tụt khỏi xe, theo phản xạ chị L có hô “Cướp Cướp” nhưng T không nghe thấy, đi được một đoạn T phát hiện chị L không ngồi trên xe nhưng lúc đó bị chảy nhiều máu lại sợ bị người dân đánh nên T tiếp tục phóng xe mô tô của chị L đến trạm y tế xã H, huyện V băng bó vết thương. Sau khi khâu vết thương xong T đi xe mô tô về thành phố B, T gặp anh Trần Công Đ, sinh năm 1988 ở số nhà 283 Ch, phường L, thành phố B kể lại nội dung sự việc bị đuổi đánh và đưa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98H1-039.01 của chị L cho anh Đ, T nhờ anh Đ tìm chị L để trả lại chiếc xe mô tô cho chị L, nếu không tìm được chị L thì giao nộp cho Công an để Công an trả lại cho chị L, sau đó T chở anh Đ ra công viên H, thành phố B, T giao chiếc xe mô tô lấy của chị L cho anh Đ, còn T đi nhờ bạn về nhà. Sau khi được T nhờ anh Đ nhận lời và đi xe mô tô của T đến khu vực cửa hàng điện tử Trần A thì gặp Cơ quan điều tra Công an huyện T mời anh Đ về trụ sở Công an thành phố B làm việc, anh Đ đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện T vào hồi 22 giờ 30 phút cùng ngày.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của anh Đ 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen, có số seri 356231049885891.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 03/KL-ĐGTS ngày 17/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá: 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, BKS 99F8 – 0969, đăng ký tháng 01/2003 có giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra các bị cáo T, M đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn M. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt 15 tháng tù của Bản án số 35/2019/HSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B về tội “ Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là từ 27 tháng tù đến 29 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2019. Thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến ngày 09/4/2019 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt 10 tháng tù của Bản án số 139/2019/HSST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B về tội “ Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là từ 17 tháng tù đến 19 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2019.

Tại phiên tòa bị cáo M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì với kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo cho rằng mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao.

Đại diện viện kiểm sát cho rằng bị cáo T là người có vai trò chính, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị với bị cáo T là hoàn toàn phù hợp. Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đối với bị cáo T.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày: ngày 12/01/2019, khi chị đang đi xe trên đường thì có một thanh niên chạy đến chỗ chị và bảo cho đi nhờ xe. Sau này chị mới biết người thanh niên đó tên là T. Khi đó, chị thấy người thanh niên chảy nhiều máu và người dân đang hô hoán đuổi theo. Chị cũng đồng ý cho T đi nhờ xe nhưng chị chưa kịp nói là đồng ý thì do người dân truy đuổi nên T ngồi vào vị trí lái. Do chị thấy T bị chảy máu ở cổ nên chị lùi lại phía sau và bị mất chân trụ đã tụt khỏi xe. Chị khẳng định chị không bị T dùng vũ lực đẩy chị ra khỏi xe và T cũng không uy hiếp tinh thần của chị để nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị. Chị nghĩ là T chỉ nhờ đi xe nhằm mục đích là để trốn khỏi sự truy đuổi của người dân. Chị không biết là T trộm cắp xe của anh N mà nghĩ là T đánh nhau. Đến nay chị đã nhận lại chiếc xe mô tô và không có yêu cầu gì. Chị đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị hại và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/01/2019, tại cổng nhà anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975 ở thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh B, Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 ở số nhà 10, hẻm 14, tổ dân phố Ph, phường D, thành phố B, tỉnh B và Đỗ Văn M, sinh năm 1983 ở xóm G, xã T, thành phố B, tỉnh B có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, biển kiểm soát 99F8-0969 trị giá 13.000.000 đồng của anh Giáp Văn N, sinh năm 1993 ở thôn B, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo là người có nhân thân không tốt. Bị cáo T đã bị xử phạt hành chính 2 lần và bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo M đã bị xử phạt hành chính, bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc và đã bị kết tội bằng bản án của tòa án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo M đã bị kết tội bằng bản án của Tòa án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 234/2013/HSST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt chính ngày 06/12/2015, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt ngày 25/3/2019. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo T, M đều cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo T là người có vai trò chính, là người khởi sự và trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản còn bị cáo M cảnh giới, giúp sức cho bị cáo T. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Về tổng hợp bản án:

Bị cáo T đang phải chấp hành bản án số 35/2019/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” nay lại bị xét xử về hành vi phạm tội sau khi có bản án. Do vậy, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trong bản án trước từ ngày 23/01/2019 đến ngày 09/4/2019 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt theo quy định;

Bị cáo M đang phải chấp hành bản án số 139/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” nay lại bị xét xử về hành vi phạm tội sau khi có bản án. Do vậy, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự;

[6] Đối với chiếc xe mô tô kiểu Wave màu xanh, biển kiểm soát 98 L5-3874 mà T và M sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp. Quá trình điều tra, M khai nhận chiếc xe mô tô này do M mượn của chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1975 ở thôn Ph, xã T, thành phố B, tuy nhiên Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện chị H vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã tra cứu xác định chiếc xe mô tô này có đăng ký mang tên ông Ngô Hùng S, sinh năm 1976 ở số nhà 222, tổ 5, cụm 1B, đường Ng, phường Tr, thành phố B nhưng hiện nay ông S vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô này nên ngày 27/9/2019 Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe mô tô này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Nguyễn Văn T khi trộm cắp xe mô tô của anh N bị anh Kh đánh gây thương tích, tuy nhiên T từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đề nghị gì về thương tích này, Cơ quan điều tra chỉ nhắc nhở không xử lý gì đối với anh Nguyễn Văn Kh.

[8] Đối với Nguyễn Văn T khi bị anh Kh đuổi đánh đã chạy vào nhà anh H ngồi lên chiếc xe mô tô ở tại nhà anh H bảo anh anh H chở đi bắt cướp với mục đích để chạy thoát khỏi sự truy đuổi của anh Kh, T không có mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô này của anh H nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[9] Đối với hành vi ngồi lên xe mô tô của chị L phóng bỏ chạy, T đã xin chị L cho đi nhờ chị L đã đồng ý. Tại phiên Tòa chị L cho rằng chị không bị T dùng vũ lực hay uy hiếp tinh thần gì, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị. T đi xe của chị L nhằm mục đích là để trốn khỏi sự truy đuổi của người dân. Chị L cũng đồng ý cho T đi nhờ và đã nhận lại chiếc xe mô tô và không có yêu cầu đề nghị gì, hành vi của T không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T về hành vi này.

[10] Đối với chiếc kéo mà Nguyễn Văn T đã dùng để phá khóa xe mô tô của anh N, T khai trong quá trình bỏ chạy đã bị rơi mất, T không biết rơi ở đâu, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

[11] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98H1-039.01 Cơ quan điều tra đã xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị L nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L quản lý sử dụng.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, BKS 99F8-0969 là của anh Giáp Văn N bị T và M trộm cắp nhưng bị anh N và anh Kh phát hiện ngăn chặn nên T và M không lấy được xe mô tô, Cơ quan điều tra không tạm giữ chiếc xe mô tô này. Đến nay anh N không yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại.

[13] Về vật chứng: đối với chiếc xe mô tô kiểu Wave màu xanh, biển kiểm soát 98 L5-3874 mà T và M sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp. Quá trình điều tra, M khai nhận chiếc xe mô tô này do M mượn của chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1975 ở thôn Ph, xã T, thành phố B, tuy nhiên Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện chị H vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã tra cứu xác định chiếc xe mô tô này có đăng ký mang tên ông Ngô Hùng S, sinh năm 1976 ở số nhà 222, tổ 5, cụm 1B, đường Ng, phường Tr, thành phố B nhưng hiện nay ông S vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô này nên ngày 27/9/2019 Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe mô tô này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[14] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[15] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn M.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai tháng) tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt 15 tháng tù của Bản án số 35/2019/HSST ngày 17/5/2019 của Tòa

án nhân dân huyện V, tỉnh B về tội “ Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2019. Thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến ngày 09/4/2019 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn M 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt 10 tháng tù của Bản án số 139/2019/HSST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B về tội “ Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2019.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T, bị cáo M.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị O